|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**  Số: 3524 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2015* |
| **QUYẾT ĐỊNH**  **Cấp kinh phí cho các địa phương để thực hiện**  **các chính sách bảo trợ xã hội (đợt 2 năm 2015)** | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Liên Bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 565/TTr-STC ngày 17/9/2015 của Chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Cấpkinh phí choUBND các huyện, thị xã, thành phố, tổng số tiền: 41.000.000.000 đồng *(Bốn mươi mốt tỷ đồng)*, từ nguồn Trung ương bổ sung năm năm 2015, để bổ sung nguồn thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật trong năm 2015, như sau:

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.**Tổ chức thực hiện:

Các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội theo dõi, hướng dẫn, giám sát các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

UBND các huyện, thị xã, thành phố có tên tại Phụ lục chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện chi trả các chính sách hỗ trợ đảm bảo đối đúng tượng, chế độ và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định; gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Trung ương bổ sung kinh phí và hoàn trả lại cho các địa phương theo quy định.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính bổ sung kinh phí để đảm bảo nguồn thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính,Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh;Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có tên tại Phụ lục và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 3;  - TT HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - CPVP;  - Lưu: VT, VX,KTTH. |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT . CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Trần Đình Tùng** |

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2015 cua UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **UBND huyện, thị xã, thành phố** | **Kinh phí**  **phân bổ (đợt 2/2015)** |
|
| 1 | Tiên phước | 2.500 |
| 2 | Duy Xuyên | 5.000 |
| 3 | Quế Sơn | 2.000 |
| 4 | Nông Sơn | 2.000 |
| 5 | Thăng Bình | 9.000 |
| 6 | Đại Lộc | 2.500 |
| 7 | Phú Ninh | 1.000 |
| 8 | Điện Bàn | 6.000 |
| 9 | Hiệp Đức | 2.300 |
| 10 | Núi Thành | 1.500 |
| 11 | Bắc Trà My | 500 |
| 12 | Nam Giang | 1.500 |
| 13 | Tam Kỳ | 2.000 |
| 14 | Đông Giang | 700 |
| 15 | Hội An | 2.500 |
| **Cộng** | | **41.000** |